

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm
Ông Nguyễn Minh Mẫn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1208/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình H, sinh ngày 24/02/1963. Số căn cước 082063013729. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp 2, xã N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1964. Số căn cước 082164009661. Địa chỉ: Số 55, đường Lý Bôn, khóm 6, phường A, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2026, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 19/4/1991. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi, ông và bà L đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông Nguyễn Đình H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Hoàng Minh T sinh ngày 25/9/1991 và Nguyễn Trần Yến N, sinh ngày 25/07/1993. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Đơn xin vắng mặt ngày 18/5/2026, bà Trần Thị L trình bày: Về thời gian và nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông H trình bày. Bà và ông H đã ly thân. Nay tình cảm không còn bà đồng ý ly hôn với ông H. Về con chung, có 02 người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung, bà và ông H tự thỏa thuận. Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị L kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nay là phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 19/4/1991, đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đình H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị L. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Nguyễn Đình H và bà Trần Thị L có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án và yêu cầu xét xử vắng mặt ông, bà. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà L theo quy định tại Điều 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông H và bà L thống nhất trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn và thống nhất ly hôn, ông bà đã ly thân không còn chung sống, không ai quan tâm ai, mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà L.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Hoàng Minh T sinh ngày 25/9/1991 và Nguyễn Trần Yến N, sinh ngày 25/07/1993. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình ông Nguyễn Đình H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Trần Thị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng ông Nguyễn Đình H phải nộp. Ngày 10/3/2026 ông Nguyễn Đình H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002581 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.**Mỹ Tho**, tỉnh Đồng Tháp,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu